

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 05-6-2020
"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông An Bắc Lùng – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 46/2020/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị X, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1980

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống, có tiền hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ký ngày 25 tháng 5 năm 2006. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Nguyễn Văn M thường

xuên rượu chè, cờ bạc không chăm lo làm ăn. Ngoài ra anh Nguyễn Văn M mỗi khi say xỉn là gây gỗ với vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà. Đến năm 2017 do không thể sống chung được nên chị về nhà quê mẹ sinh sống, thỉnh thoảng về chăm sóc con cái. Trong thời gian nay anh Nguyễn Văn M vẫn không thay đổi, thường xuyên say xỉn, bỏ bê con cái và mỗi lần chị về thăm con thì có lời nói đe dọa đối với chị. Xét thấy anh Nguyễn Văn M không thể thay đổi, bản thân chị không còn tình cảm với anh Nguyễn Văn M nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Văn M có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Anh Kh sinh năm 2008. Hiện nay chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng con, bản thân anh Nguyễn Văn M thường xuyên say xỉn không chăm sóc được con cái nên chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung.

Chị không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị X tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì có mâu thuẫn do anh hay nhậu nhẹt với bạn bè khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến cuối năm 2017 chị Trần Thị X muốn đi làm ăn xa. Mặc dù anh không cho nhưng chị Trần Thị X vẫn đi làm. Từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân, thỉnh thoảng chỉ gọi điện hỏi thăm và về thăm con. Hiện nay, chị Trần Thị X yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh cho rằng vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì trầm trọng.

Về nuôi con chung: Anh và chị Trần Thị X có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Anh Kh sinh năm 2008. Về việc nuôi dưỡng con chung anh để cháu Nguyễn Trần Anh Kh quyết định.

Không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Xoàn

Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn Trần Anh Kh, sinh năm 2008 cho chị Trần Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn M (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị X đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ký ngày 25 tháng 5 năm 2006. Lời khai của anh Nguyễn Văn M, chị Trần Thị X phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 04). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị X là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Trần Thị X khai nhận trong thời gian chung sống anh Nguyễn Văn M thường xuyên rượu chè, say xỉn không chăm lo phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, anh Nguyễn Văn M có lời nói đe dọa hành hung chị. Chị thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Anh Nguyễn Văn M cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng nên không đồng ý ly hôn. Anh Nguyễn Văn M cho rằng việc chị Trần Thị X đi làm ăn xa mới khiến vợ chồng sống ly thân. Xét, tại Điều 23 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ tạo điều kiện, giúp đỡ nhau chọn nghề nghiệp....”*. Như vậy, việc anh Nguyễn Văn M không tạo điều kiện, giúp đỡ chị Trần Thị X trong công việc, trong nghề nghiệp đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng. Mặt khác, chị Trần Thị X cũng thừa nhận việc anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị X sống ly thân không phải là do công việc mà anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị X thiếu sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Anh Nguyễn Văn M cũng thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng là do anh thường xuyên nhậu nhẹt với bạn bè. Điều này phù hợp với lời khai của chị Trần Thị X. Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn

nhân và Gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh Nguyễn Văn M, chị Trần Thị X vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị X.

[4] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn M, chị Trần Thị X đều thừa nhận anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Anh Kh sinh ngày 29/10/2008. Chị Trần Thị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Xét, thời gian vừa qua chị Trần Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Anh Kh phát triển đầy đủ. Anh Nguyễn Văn M có nguyện vọng để cháu Nguyễn Trần Anh Kh tự quyết định việc người trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Trần Anh Kh có nguyện vọng được sống với mẹ (bút lục số 19). Do đó, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Nguyễn Trần Anh Kh theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị X về việc nuôi dưỡng con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn M, chị Trần Thị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về chia tài sản chung và về nợ chung: Anh Nguyễn Văn M, chị Trần Thị X khai nhận anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Trần Thị X phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Xoàn, chị Trần Thị X được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Anh Kh sinh ngày 29/10/2008 cho chị Trần Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn M, chị Trần Thị X không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị X phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0010091 ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/6/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh